

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/12/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+BK4	7:25	17+5	0+0		12+10	0+0	
2		P11+P9	7:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
3		BK3+TD3	7:25	8+13	0+0		5+16	0+0	
4		TD5+P10	7:25	17+5	0+0		9+13	0+0	
5		P10+P9	9:25	8+14	0+0		1+21	0+0	
6		P2	9:25	22	0		22	0	
7		TD5+P2	9:25	12+10	0+0		9+13	0+0	
8		BK10+BK15	9:25	5+16	0+0		4+17	0+0	
9		VSP01+P10	11:25	22+0	0+0		0+22	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY P10 -SNG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/12/2020	TO: P10 - BK4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - VLinH - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	P10				60	75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC CUÔNG	P10	12-13	2	12		67	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN CANH TÂN	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN LINH	P10					78	NIPI	Vietnamese
5	BUI ĐÌNH PHI	P10	24	1	3		64	NIPI	Vietnamese
6	HỒ ANH QUỐC	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO QUANG HÙNG	P10	23	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HUYNH VŨ	P10	17-18	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BAO LAM	P10	20	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ HANH	P10	23	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NAM	P10	21	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ĐĂNG TUÂN	P10	16	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TẤT THÀNH	P10	622	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	19	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM DUY QUANG	P10	14	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC THANH	P10	22	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẠO VĂN ĐỨC	BK4	02	1	6	50	69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4					69	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ BA TUÂN	BK4	04	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK4	03	1	5		78	KH-THAC	Russian
22	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK4	01	1	3		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

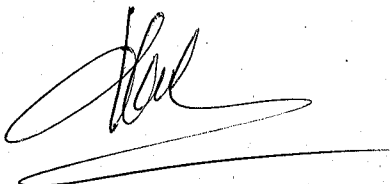
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	17	15	86	1.180	60	12		
2	BK4	5	4	17	353	50	10		
TOTAL		22	19	103	1.533	110	22		
WEIGHT KG				103	1.533	110			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

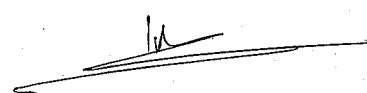
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P11 - P9	CREW: QViệt - MTHAO - QTrưởng	ETA: 09:15
CAM-1			

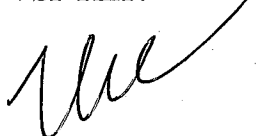
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	P11	16	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VIỆT DŨNG	P11	15	1	3	10	67	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯƠNG XUÂN THAI	P11					70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LINH	P11	18	1	9		66	PSV	Vietnamese
5	VASYANKIN ALEXEY	P9	17	1	17		105	KH-THAC	Russian
6	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	11	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
7	YAKIMIDI RUSLAN	P9	16	1	14		92	KH-THAC	Russian
8	LÊ MINH THUY	P9	04	1	6	30	75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THANH HAI	P9	12	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BA KỲ	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
11	VÕ VĂN THOẠI	P9	05	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI NGỌC THÂN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ AN CHUNG	P9	14-15	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẠO THIÊN THUẬT	P9	18	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO CHI	P9	10	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ MINH THUY	P9	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	01	1	3	20	63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9	06	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HÀ	P9	03	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN DŨNG	P9	07	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT CUÔNG	P9	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	09	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

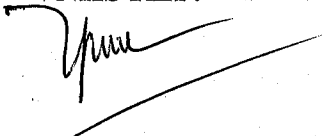
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	4	3	20	280	10	4		
2	P9	18	17	108	1.323	50	18		
TOTAL		22	20	128	1.603	60	22		
WEIGHT KG				128	1.603	60			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

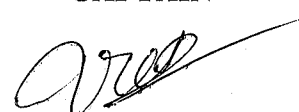
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:45
FLIGHT: 03	TO: BK3 - TD3	CREW: Hôi - CHIẾN - DTùng	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ DUY KHƯƠNG	BK3	04	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	02-03	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC THĂNG	BK3	01	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH PHONG	BK3	07	1	9	40	80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯỜNG THẾ VINH	BK3	10	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ BA HÒA	BK3	06	1	18		76	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH THUẬN	BK3	08-09	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TUẤN	BK3	05	1	7		74	PSV	Vietnamese
9	FILIPPOV NIKOLAY	TD3					75	KHOAN	Russian
10	LUU QUYET THANG*TT	TD3					69	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN HOANG LAM	TD3	05	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG HUY LONG	TD3	09	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	07	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	13	1	5	50	60	KHOAN	Vietnamese
15	NG. VĂN MẠNH*CAM-PVDT	TD3	14	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
16	KHÔNG QUỐC HUNG	TD3	12	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG NGOC NGHIA	TD3	08	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN TRUC TUYEN	TD3	11	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	TD3	110	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ TIẾN LỤC	TD3	06	1	15		65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN HUNG QUAN	TD3	04	1	10		65	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	8	10	84	571	40	5		
2	TD3	13	11	72	880	50	16		
TOTAL		21	21	156	1.451	90	21		
WEIGHT KG				156	1.451	90			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: TD5 - P10	CREW: Nam - VAnh - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SADOVNICHENKO	TD5	33	1	10		107	KHOAN	Russian
2	LUU VAN PHONG	TD5	34	1	2		69	KHOAN	Vietnamese
3	LUONG MINH PHUNG *TT	TD5	40-41	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN HUONG	TD5	44	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	BUI DINH PHUC	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
6	NGO QUOC BAO	TD5	50	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TAT THANH	TD5	42-43	2	17		55	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN SY LE	TD5	39	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH CONG	TD5	35	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN VAN DIEU	TD5	45	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VIET DUNG	TD5	47	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
12	DO VINH CUONG	TD5	49	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
13	BUI TAN BINH	TD5	46	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
14	LE VAN NGUYEN*CAM-PVDT	TD5	36	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUC MINH	TD5	48	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	TU DUONG DUNG	TD5	38	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN CAO HOANG	TD5	37	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN LOI	P10	33	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
19	LE CHI HIEU	P10	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM VAN THUYET	P10	31	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
21	VU DINH CUONG	P10	30	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TOAN	P10	32	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	18	101	1.210	0	9		
2	P10	5	5	25	328	0	13		
TOTAL		22	23	126	1.538	0	22		
WEIGHT KG				126	1.538	0			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/12/2020	TO: P10 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - VLinH - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CUONG	P10	37	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRUONG VAN MINH	P10	41	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HIEU LIEM	P10	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LE HOAI THANH	P10	38-39	2	14		62	YTE	Vietnamese
5	BUI VAN QUAN	P10	43	1	3		65	PSV	Vietnamese
6	BUI VAN NGUYEN	P10	34	1	2		73	PSV	Vietnamese
7	VU XUAN TIEN	P10	40	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	LE VAN LINH	P10	35-36	2	7		72	PSV	Vietnamese
9	HO SY BINH	P9	55	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC THANH	P9	53	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN HAI	P9	54	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI VAN TUAN	P9	64	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN TUNG	P9	59	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUC BINH	P9	62	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN BANG	P9	61	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI NGOC THAO	P9	51-52	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
17	LE VAN LOI	P9	56	1	5		73	YTE	Vietnamese
18	PHAM CONG TUAN	P9	60	1	5		56	PSV	Vietnamese
19	CAI TRAN HOAI VU	P9	57	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	LE VAN VIET	P9	50	1	2		78	PSV	Vietnamese
21	TRUONG VAN TOAN	P9	58	1	9		55	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC TUAN	P9	63	1	6		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	8	10	42	554	0	1		
2	P9	14	15	82	970	0	21		
TOTAL		22	25	124	1.524	0	22		
WEIGHT KG				124	1.524	0			

GRAND TOAL: 1.648 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	TO: P2	CREW: QViệt - MTHAO - QTrường	ETA: 11:25
CAM-2			

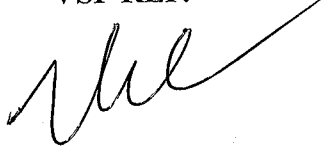
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG CHI TUYẾN	P2	96	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ CÔNG KHANG	P2	14	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THÈ ANH	P2	99	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN THỌ	P2	98	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ THANH LONG	P2	700	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	97	1	4	20	63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC TÂN	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CÔNG THANH	P2	92-93	2	6		80	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG LƯU	P2	09	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUÝ TOÀN	P2					63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	04	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ THANH HAI	P2	07	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN KHẮC CẦN	P2	02.	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	08	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	05	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU PHI	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC DU	P2	11-12	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ARTIUSHIN	P2	10	1	16		95	ANTOAN	Russian
20	NGUYỄN CÔNG KHOAI	P2	94	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ VĂN HIẾP	P2	03	1	13		71	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HÙNG	P2	95.	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

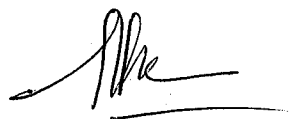
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	20	145	1.522	20	22		
	TOTAL	22	20	145	1.522	20	22		
	WEIGHT KG			145	1.522	20			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	TO: TD5 - P2	CREW: HỒI - CHIẾN - DTùng	ETA: 11:35
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	60	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ TIẾN TRÌNH	TD5	54	1	10		53	C.TY DUY	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ĐIỀN	TD5	55-56	2	17		67	C.TY DUY	Vietnamese
4	LÊ NGỌC TRUNG	TD5	57-58	2	10		86	C.TY DUY	Vietnamese
5	TRẦN THAI AN	TD5	63-64	2	14		73	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD5	66	1	12		60	DVL	Vietnamese
7	DUƠNG TRUNG KIẾN	TD5	65	1	10		60	DVL	Vietnamese
8	TRẦN ANH TUẤN	TD5	51	1	8		75	DVL	Vietnamese
9	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	TD5	59	1	14		80	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN CHI LINH	TD5	53	1	7		80	DVL	Vietnamese
11	PHAN THANH TỊNH	TD5	52	1	14		73	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU ĐỨC	TD5	61-62	2	18		80	T-TIN	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN TỨC	P2	84	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN NHÂN	P2	68-70	3	15		68	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P2	87	1	8		63	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HIỆP	P2	71	1	7		75	PSV	Vietnamese
17	PHẠM THANH HÙNG	P2	86	1	5		63	PSV	Vietnamese
18	PHẠM HỒNG VĂN	P2	67	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	VŨ HỒNG QUANG	P2	89	1	6		77	PSV	Vietnamese
20	TRƯƠNG TRỌNG HẠN	P2	88	1	4		58	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P2	66	1	7		62	PSV	Vietnamese
22	VŨ ĐẠI ĐÌNH	P2	65	1	3		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

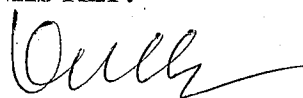
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	12	16	137	850	0	9		
2	P2	10	12	72	658	0	13		
TOTAL		22	28	209	1.508	0	22		
WEIGHT KG				209	1.508	0			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

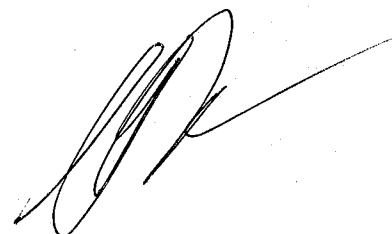
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: BK10 - BK15	CREW: Nam - VAnh - NNam	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU XUAN THUY	BK10	03	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
2	LE TRONG LINH	BK10	05	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HOANG GIANG	BK10	01-02	2	18		87	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO TUAN HUNG	BK10	06	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH SON	BK10	04	1	5		71	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NAM	BK15	12-13	2	14		93	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC TUNG	BK15	18	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DINH THANG	BK15	16	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LUU	BK15	17	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH CONG	BK15					61	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM DE	BK15	20	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
12	VO TIEN PHAT	BK15	14	1	15	7	72	XAYLAP	Vietnamese
13	DO TRONG LUONG	BK15	03	1	10	11	62	XAYLAP	Vietnamese
14	LE QUY BUONG	BK15	07	1	14		58	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN TAN	BK15	05-06	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG XUAN HUY	BK15	09-10	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HA	BK15	11	1	15	45	74	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN NGOC	BK15	21	1	17	6	60	XAYLAP	Vietnamese
19	DOAN XUAN PHONG	BK15	02	1	13		56	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VAN PHUONG	BK15	19	1	5		62	PSV	Vietnamese
21	LE VIET HUNG	BK15	08	1	4		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	5	6	41	354	0	4		
2	BK15	16	18	164	1.059	63+6	17		
TOTAL		21	24	205	1.413	63+6	21		
WEIGHT KG				205	1.413	63+6			

GRAND TOAL: 1.681 KGS + 6 = 1687 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:55
FLIGHT: 09	TO: VSP01 - P10	CREW: QViệt - MTHAO - Toan	ETA: 13:35
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01					70	CTY LONG	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHA	VSP01				20	70	CTY LONG	Vietnamese
3	LÊ VĂN HOA	VSP01	75-76	2	14		61	CTY LONG	Vietnamese
4	PHẠM VĂN MÃN	VSP01	65	1	5		58	CTY LONG	Vietnamese
5	ĐINH HỒNG NHAN	VSP01	74	1	8		55	CTY LONG	Vietnamese
6	PAN KÊ PHÚC	VSP01	87-89	3	20		61	CTY LONG	Vietnamese
7	TRƯƠNG HOÀI PHONG	VSP01	67	1	7		74	CTY LONG	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG BẢNG	VSP01	69	1	5		72	CTY LONG	Vietnamese
9	PHẠM VĂN SANG	VSP01	68	1	7		58	CTY LONG	Vietnamese
10	VÕ NGỌC PHÚ	VSP01	66	1	9		63	CTY LONG	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HUYNH	VSP01	79-81	3	18		60	CTY LONG	Vietnamese
12	QUÁCH THANH ĐỘ	VSP01	85	1	10		55	CTY LONG	Vietnamese
13	NGUYỄN TRIỀU VŨ	VSP01	70	1	10		73	CTY LONG	Vietnamese
14	TRẦN VŨ THANH	VSP01	86	1	18		80	CTY LONG	Vietnamese
15	VŨ NGỌC TÂN	VSP01	90	1	9		63	CTY LONG	Vietnamese
16	NGUYỄN HÙNG VƯƠNG	VSP01	72	1	12		78	CTY LONG	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỆN	VSP01	77-78	2	20		63	CTY LONG	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	VSP01	71	1	5		60	CTY LONG	Vietnamese
19	ĐẶNG THANH LUÂN	VSP01	82-83	2	10		57	CTY LONG	Vietnamese
20	VĂN HUY HOÀN	VSP01	73	1	8		50	CTY LONG	Vietnamese
21	KIEU VĂN TUÂN	VSP01	84	1	5		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	27	200	1.355	20	0		
2	P10	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		21	27	200	1.355	20	22		
WEIGHT KG				200	1.355	20			

GRAND TOAL: 1.575 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN